

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22/3/2024

Về vụ: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh Trung và bà Phan Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hiển – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Bùi N, sinh năm 1980; Cư trú tại: Thôn PST, xã HDT, huyện PH, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Trần Việt C, sinh năm 1979; Cư trú tại: Thôn PST, xã HDT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện PH; địa chỉ liên hệ: Khu phố ĐT 1, thị trấn PH, huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H – Giám đốc Phòng giao dịch huyện PH theo Giấy ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019. Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Bà Huỳnh Bùi N trình bày:

Vào năm 2001, bà Huỳnh Bùi N và ông Trần Việt C kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HDT, huyện PH. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với lý do ông C thường xuyên ăn nhậu về nhà chửi mắng và đánh đập bà N nhiều lần, bà N có khuyên bảo nhưng ông C không nghe, vì con nên bà N cố

gắng chịu đựng. Nay bà N không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà N, ông C có 02 con chung là Trần Thị Như Y, sinh ngày 05/8/2002 và Trần Hoàng T, sinh ngày 05/4/2008. Ly hôn, bà N xin nhận nuôi cháu T, yêu cầu ông C cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/tháng. Đối với cháu Y đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà N, ông C có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch huyện PH) số tiền vay gốc 35.000.000 đồng, ly hôn bà N đồng ý trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng, yêu cầu ông C cùng có trách nhiệm trả nợ.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 28/02/2024, bị đơn ông Trần Việt C trình bày:

Ông C và bà Huỳnh Bùi N tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HDT. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường, khoảng 05 năm gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, ông C không hề đánh bà N, vợ chồng còn sống chung với nhau nhưng không còn quan tâm gì nhau. Bà N yêu cầu ly hôn thì ông C không đồng ý vì các con chưa lập gia đình, ông C sợ ảnh hưởng cuộc sống của các con.

Vợ chồng có 02 con chung như bà N trình bày, nếu Tòa giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì con chung tên T đã lớn, con muốn ở với ai là quyền của con, nếu con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, người còn lại không cấp dưỡng nuôi con, đối với con Trần Thị Như Y đã trưởng thành, ông C không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung. Đối với khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội, Phòng giao dịch huyện PH thì ông C không đứng tên vay. Tuy nhiên, ông C nhận trách nhiệm cùng bà N trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch huyện PH) trình bày:

Bà Huỳnh Bùi N có vay Ngân hàng số tiền 35.000.000 đồng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 6600000719214082 ngày 17/11/2020 số tiền 25.000.000 đồng, mục đích vay: Chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất 8,35%/năm, trả lãi hàng tháng, trả gốc 12 tháng/lần. Hạn cuối trả nợ là 17/11/2023 và đã được Ngân hàng gia hạn nợ đến ngày 17/11/2024.

Hợp đồng tín dụng số 6600000713888344 ngày 17/10/2018 số tiền 10.000.000 đồng, mục đích vay: Nâng cấp công trình nước sạch và vệ sinh. Lãi suất vay: 9%/năm, lãi trả hàng tháng, gốc trả 6 tháng/lần, hạn cuối trả nợ là 17/10/2023 và đã được Ngân hàng gia hạn nợ đến ngày 17/10/2024.

Trong quá trình vay vốn, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Bùi N và ông Trần Việt C trả số tiền

nợ gốc là 35.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 22/3/2024 là 1.233.699 đồng.

Tòa án nhân dân huyện PH không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Huỳnh Bùi N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Việt C; yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Hoàng T, sinh ngày 05/4/2008 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; đối với nợ chung: Bà N yêu cầu ông C cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Trần Việt C đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng xin vắng mặt giữ nguyên yêu cầu giải quyết buộc bà Huỳnh Bùi N và ông Trần Việt C trả số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử (Ngày 22/3/2024) là 1.233.699 đồng về khoản nợ hợp đồng vay tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định tố tụng. Nguyên đơn, người liên quan chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn với ông C; Về con chung: Hiện nay con chung Trần Thị Như Y đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung tên Trần Hoàng T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét; Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; về nợ chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà Huỳnh Bùi N và ông Trần Việt C có nghĩa vụ mỗi người trả một nửa số nợ cho Ngân hàng; Nguyên đơn và bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Trần Việt C và bị đơn có nơi cư trú tại xã HDT, huyện PH. Căn cứ khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Việt C và ông C có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Bùi N và ông Trần Việt C tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã HDT theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 04/10/2001 nên hôn nhân giữa bà N và ông C là hôn nhân hợp pháp. Bà N và ông C xác định trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trong thời gian 05 năm gần đây, ông C thừa nhận vợ chồng còn sống chung với nhau nhưng không còn quan tâm nhau, mạnh ai nấy sống, ông C không đồng ý ly hôn không vì lý do còn tình cảm với bà N, bà N kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Huỳnh Bùi N và ông Trần Việt C, không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Bùi N được ly hôn với ông Trần Việt C.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa bà Huỳnh Bùi N và ông Trần Việt C có 02 con chung tên Trần Thị Như Y, sinh ngày 05/8/2002 và Trần Hoàng T, sinh ngày 05/4/2008. Con chung tên Trần Thị Như Y đã trưởng thành, có khả năng lao động, bà N và ông C không yêu cầu gì nên không xem xét; bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hoàng T, phù hợp với nguyện vọng của con nên HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung tên T cho bà Huỳnh Bùi N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Bùi N yêu cầu ông Trần Việt C cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng. Nhưng tại phiên tòa bà N không yêu cầu, HĐXX đã giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của người không trực tiếp nuôi con nhưng bà N vẫn không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ về tài sản chung:

Nguyên đơn bà Huỳnh Bùi N thừa nhận có vay và còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch huyện PH) như Ngân hàng yêu cầu, bị đơn ông Trần Việt C không thừa nhận khoản nợ Ngân hàng là nợ chung nhưng ông C nhận trách nhiệm cùng bà N trả nợ cho Ngân hàng. Xét Hợp đồng tín dụng số 6600000719214082 ngày 17/11/2020 và Hợp đồng tín dụng số 6600000713888344 ngày 17/10/2018 được ký kết giữa các bên là tự nguyện và yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà N, ông C mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên cho Ngân hàng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Bùi N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ; bị đơn ông Trần Việt C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Bùi N, cho bà Huỳnh Bùi N được ly hôn với ông Trần Việt C.

2. *Về con chung:* Bà Huỳnh Bùi N và ông Trần Việt C có 02 con chung tên Trần Thị Như Y, sinh ngày 05/8/2002 và Trần Hoàng T, sinh ngày 05/4/2008. Con chung Trần Thị Như Y đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên không giải quyết. Giao con chung tên Trần Hoàng T, sinh ngày 05/4/2008 cho bà Huỳnh Bùi N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông Trần Việt C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Việt C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản:* Nguyên đơn bà Huỳnh Bùi N và bị đơn ông Trần Việt C không yêu cầu giải quyết.

4. Nghĩa vụ chung về tài sản:

Buộc bà Huỳnh Bùi N và ông Trần Việt C phải trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch huyện PH) số tiền nợ gốc 35.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử 22/3/2024 là 1.233.699 đồng. Cụ thể bà Huỳnh Bùi N phải trả 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền nợ gốc và 616.849 đồng (*Sáu trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*) tiền lãi tính đến ngày 22/3/2024; ông Trần Việt C phải trả 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền nợ gốc và 616.849 đồng (*Sáu trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*) tiền lãi tính đến ngày 22/3/2024.

Kể từ ngày 23/3/2024, bà N và ông C còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo như mức lãi suất các bên đã thỏa thuận Hợp đồng tín dụng số 6600000719214082 ngày 17/11/2020 và Hợp đồng tín dụng số 6600000713888344 ngày 17/10/2018 được ký kết giữa các bên.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Huỳnh Bùi N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và

906.000 đồng (*Chín trăm lẻ sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại phiếu thu số 0010159 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên nên bà N còn phải nộp 906.000 đồng (*Chín trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

Bị đơn ông Trần Việt C phải chịu 906.000 đồng (*Chín trăm lẻ sáu nghìn đồng*) án phí dân sự về phần nghĩa vụ tài sản.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- UBND xã HDT
(Số 32 ngày 04/10/2001);
- Đường sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Nhật